TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:**66** /*2019*/HNGĐ - ST
Ngày: 26 *tháng 11 năm 2019*
V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Tầu
2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa là Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

<u>Nguyên đơn</u>: Chị A, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 132 PH, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

<u>Bị đơn</u>: Anh L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Dịch vụ 01, liền kề 03, khu Đ, phường K, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2019 và bản tự khai ngày 19 tháng 3 năm 2019 cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị A trình bày: Chị và anh L chung sống với nhau từ năm 2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Văn Mỗ, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) ngày 12/03/2001. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống ở nhiều nơi, đến năm 2008 thì chuyển về thuê nhà sống tại số 132 PH, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng có thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng gặp nhiều khó khăn về kinh tế, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị và anh L đã sống ly

thân nhau mỗi người một nơi từ khoảng năm 2018 cho đến nay. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị A xác nhận vợ chồng có 02 con chung là M (nam), sinh ngày 23/9/2002 và H (nam), sinh ngày 18/01/2008, hiện nay hai cháu đang sống cùng chị A. Ly hôn chị A đề nghị Tòa án giải quyết để chị là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị A xác nhận vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị A xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị A đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L, nhưng anh L không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Qua xác minh ý kiến của bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ của anh L thế hiện: Anh L và chị A trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do đâu thì bà không nắm được. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh L và chị A đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ khoảng cuối năm 2018 và anh L đã về sống nhờ nhà bà ở tại địa chỉ: Dịch vụ 01, liền kề 03, khu D, phường K, quận H, thành phố Hà Nội . Sau đó anh L đi làm ăn với bạn bè chỉ thỉnh thoảng mới về.

Do anh L không đến Tòa nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh L cũng như không hòa giải cho anh, chị đoàn tụ được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị A giữ nguyên các yêu cầu nêu trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án ngày hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh L. Về con chung: Xác nhận chị Avà anh L có 02 con chung là M (nam), sinh ngày 25/9/2002 và H (nam), sinh ngày 18/01/2008. Giao cho chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và cháu H. Ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cho đến khi

có yêu cầu khác. Về tài sản chung, công nợ: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập anh L đến Tòa để giải quyết vụ án, nhưng anh L không đến Tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh L đã được Tòa án tống đạt quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham phiên tòa, thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng tại phiên tòa nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 207 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh L.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn là anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tập thể công ty xây dựng B, tổ dân phố 5, phường M, quận H, thành phố Hà Nội, sau đó do vợ chồng ly thân nên anh L đã chuyển về sinh sống tại: Dịch vụ 01, liền kề 03, khu Đ, phường K, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án nhân dân quận Hà Đông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[1].**Về quan hệ hôn nhân**: Chị A và anh L xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Văn Mỗ, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) chứng nhận kết hôn ngày 12/03/2001. Hôn nhân của chị A, anh L là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị A và ý kiến của đại diện gia đình anh L đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống chị A, anh L luôn xảy ra mâu thuẫn và anh, chị đã sống ly thân nhau từ khoảng năm 2018 cho đến nay, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án anh L không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho anh L, chị A đoàn tụ được. Mặt khác theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình thì: "Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…" mà theo lời khai của chị A và đại diện gia đình anh L xác nhận chị A và anh L đã sống ly thân nhau từ khoảng năm 2018 cho đến nay. Vì vậy việc chị A xin ly hôn anh L là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Chị A xác nhận chị và anh L có 02 con chung là M (nam), sinh ngày 23/9/2002 và H (nam), sinh ngày 18/01/2008, hiện nay cháu M và cháu H

đang sống cùng chị A. Ly hôn chị A đề nghị Tòa án giải quyết để chị là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị A Hội đồng xét xử thấy: Giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, kể từ khi ly thân đến nay chị Avẫn là người trực tiếp nuôi con, cháu M, cháu H vẫn phát triển bình thường và các cháu cũng có nguyện vọng được ở với chị A trong trường hợp nếu chị A, anh L ly hôn. Nên căn cứ vào Điều 81 luật hôn nhân và gia đình giao cháu M và cháu H cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị A xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh L chứng minh vợ chồng có tài sản chung và có yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4]. Về nợ: Chị A xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này chị A, anh L có yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5]. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông phát biểu và đề xuất hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Từ nhận định trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình, Luật số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014.

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227; các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh L.

Chị A được ly hôn anh L.

2.Về con chung: Xác nhận chị A và anh L có 02 con chung là M (nam), sinh ngày 23/9/2002 và H (nam), sinh ngày 18/01/2008. Giao cho chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và cháu H. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L cho đến khi nào chị A có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị A xác nhận không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh L chứng minh vợ chồng có tài sản chung và có yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về nợ: Chị A xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này chị A, anh L có yêu cầu giải quyết thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002443 ngày 13/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị A, vắng mặt anh L. Chị A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THA quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- UBND phường Phương Liên, quận Đống Đa, TP Hà Nội;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Thủy